

Số: /QĐ-BĐD

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2024
cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện,
thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các văn bản của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội: Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 5440/QĐ-NHCS ngày 30/8/2024 về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Công văn số 1742/NHCS-KHTD ngày 06/9/2024 về việc đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024 cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

(Có Phụ lục tổng hợp và các phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố và các ngành chức năng có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

2. Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trình Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024 theo nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này cho đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội và Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Huy động vốn của tổ chức, cá nhân	Tổng cộng	Chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương điều chỉnh tăng, giảm (-)	
				Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
1	Hoàng Hóa	4.500	27.400	18.400	9.000
2	Hậu Lộc	12.000	18.000	12.000	6.000
3	Nga Sơn	6.000	23.000	17.000	6.000
4	Nghi Sơn	4.000	30.300	23.300	7.000
5	Quảng Xương	7.500	20.300	13.300	7.000
6	Thọ Xuân	1.000	22.500	14.500	8.000
7	Yên Định	3.000	16.000	9.000	7.000
8	Đông Sơn	1.000	11.000	6.000	5.000
9	Triệu Sơn	8.000	22.000	15.000	7.000
10	Nông Cống	3.000	19.600	11.600	8.000
11	Vĩnh Lộc	3.000	11.000	4.000	7.000
12	Hà Trung	5.000	17.000	9.000	8.000
13	Cẩm Thủy	2.000	13.300	3.300	10.000
14	Thạch Thành	3.500	13.500	6.500	7.000
15	Quan Hóa	2.000	5.200	200	5.000
16	Bá Thước	9.500	700	1.700	(1.000)
17	Lạng Chánh		4.900	900	4.000
18	Ngọc Lặc	1.000	11.000	4.000	7.000
19	Thường Xuân		4.700	3.700	1.000
20	Như Thanh	7.000	11.500	4.500	7.000
21	Hội Sớ tỉnh	20.000	1.900	1.900	
22	Bỉm Sơn	1.000	9.000	5.000	4.000
23	Quan Sơn	8.000	2.100	100	2.000
24	Thiệu Hóa	6.500	16.000	6.000	10.000
25	Mường Lát	4.500	1.100	100	1.000
26	Như Xuân	4.000	6.300	1.300	5.000
27	Sầm Sơn	3.000	18.700	15.700	3.000
Cộng		130.000	358.000	208.000	150.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 01
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HOÀNG HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	4.500
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	4.500
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	27.400
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	18.400
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	9.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 02
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HẬU LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	12.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	12.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	18.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	12.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	6.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NGA SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	6.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	6.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	23.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	17.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	6.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 04
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH THỊ XÃ NGHI SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	4.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	4.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	30.300
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	23.300
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	7.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 05
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	7.500
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	7.500
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	20.300
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	13.300
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	7.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 06
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THỌ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	1.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	1.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	22.500
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	14.500
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	8.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 07
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN YÊN ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	3.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	3.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	16.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	9.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	7.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 08
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN ĐỒNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	1.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	1.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	11.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	6.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	5.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 09
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	8.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	8.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	22.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	15.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	7.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 10
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NÔNG CỐNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	3.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	3.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	19.600
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	11.600
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	8.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 11
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN VĨNH LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	3.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	3.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	11.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	4.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	7.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 12
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HÀ TRUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	5.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	5.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	17.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	9.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	8.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 13
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN CẨM THỦY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	2.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	2.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	13.300
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	3.300
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	10.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 14
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THẠCH THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	3.500
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	3.500
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	13.500
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	6.500
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	7.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 15
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUAN HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	2.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	2.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	5.200
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	200
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	5.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 16
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN BÁ THƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	9.500
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	9.500
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	700
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	1.700
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	-1.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 17
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN LANG CHÁNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	4.900
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	900
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	4.000

* **Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 18
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NGỌC LẶC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	1.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	1.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	11.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	4.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	7.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 19
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THƯỜNG XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	4.700
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	3.700
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	1.000

* **Ghi chú:** Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 20
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NHƯ THANH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	7.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	7.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	11.500
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	4.500
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	7.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 21
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA HỘI SỞ TỈNH (THÀNH PHỐ THANH HÓA)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	20.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	20.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.900
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	1.900

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 22
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH THỊ XÃ BỈM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	1.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	1.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	9.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	5.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	4.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 23
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUAN SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	8.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	8.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.100
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	100
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	2.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 24
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THIỆU HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	6.500
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	6.500
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	16.000
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	6.000
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	10.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 25
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN MƯỜNG LÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	4.500
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	4.500
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.100
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	100
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	1.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 26
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NHƯ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	4.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	4.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	6.300
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	1.300
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	5.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).

PHỤ LỤC SỐ 27
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH THÀNH PHỐ SÀM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Điều chỉnh tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch nguồn vốn	3.000
1	Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân	3.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	18.700
1	Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	15.700
2	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	3.000

* **Ghi chú:** Huy động tiền gửi của tổ chức, cá nhân không bao gồm tiền gửi thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn. Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được giao tại Quyết định này là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng tăng trưởng năm 2024 (bao gồm số đã thực hiện đến thời điểm hiện tại).